BỘ TÀI CHÍNH BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 77/2016/TTLT-BTC-BKHCN	*Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2016*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THÁI BÌNH
ĐẾN Số: 1922
Ngày: 15.6.16
Chuyển:

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia đối với thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

Căn cứ Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia đối với thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này hướng dẫn việc áp dụng Cơ chế một cửa quốc gia để thực hiện thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2012, Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014 và Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan đối với các nội dung sau:

1. Quy định về quy trình khai và tiếp nhận thông tin khai, trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính bằng phương thức điện tử; các tiêu chí, định dạng của chứng từ điện tử được sử dụng để thực hiện thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tại Điều này.

2. Quy định về cơ chế phối hợp và trao đổi thông tin để thực hiện thủ tục hành chính một cửa quy định tại Điều này giữa Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Những vấn đề khác liên quan tới thủ tục hành chính quy định tại Điều này được thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị được phân công, phân cấp kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện xử lý các thủ tục hành chính một cửa quy định tại Điều 1 Thông tư liên tịch này; các cơ quan thuộc Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm thông quan cho hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhập khẩu hàng hóa; tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động nhập khẩu hàng hóa lựa chọn phương thức thực hiện các thủ tục hành chính một cửa thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

3. Hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam thuộc đối tượng kiểm tra quy định tại Điều 2 Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 3.Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư liên tịch này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. ***Cơ quan xử lý thủ tục hành chính một cửa*** (sau đây gọi là cơ quan xử

lý) là cơ quan được phân công, phân cấp của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ có chức năng xử lý, cấp phép đối với các thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 1 Thông tư liên tịch này.

2. ***Cổng thông tin một cửa quốc gia*** theo Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan là một hệ thống thông tin tích hợp bao gồm hệ thống thông quan của cơ quan hải quan, hệ thống thông tin của Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây gọi là các hệ thống xử lý chuyên ngành).

3. ***Hồ sơ hành chính một cửa*** gồm các chứng từ điện tử, tài liệu kèm theo theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành đối với từng thủ tục hành chính dưới các hình thức: chứng từ điện tử được chuyển đổi từ chứng từ giấy theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, chứng từ giấy.

4. ***Chứng từ điện tử*** là thông tin khai, kết quả xử lý, thông báo được tạo ra, gửi đi, nhận và lưu trữ bằng phương tiện điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính một cửa.

5. ***Người khai*** là tổ chức hoặc cá nhân thực hiện các thủ tục hành chính một cửa theo quy định tại Điều 1 Thông tư liên tịch này.

6. ***Người sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia*** là các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư liên tịch này được phép truy cập vào Cổng thông tin một cửa quốc gia.

7. ***Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia*** theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan là Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính.

8. ***Tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định gồm:*** Tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã được đăng ký và chỉ định theo quy định tại Thông tư số 08/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về yêu cầu, trình tự, thủ tục đăng ký lĩnh vực hoạt động đánh giá sự phù hợp, Thông tư số 10/2011/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 08/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Thông tư số 09/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về yêu cầu, trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và Thông tư số 11/2011/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 09/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Trường hợp các văn bản quy định tại khoản này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 4. Các giao dịch điện tử trên Cơ chế một cửa quốc gia

Các giao dịch điện tử trên Cơ chế một cửa quốc gia (sau đây gọi là các giao dịch điện tử) bao gồm:

1. Khai, nhận, phản hồi thông tin về việc xử lý hồ sơ để thực hiện thủ tục hành chính một cửa trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

2. Tiếp nhận và chuyển thông tin khai tới các cơ quan xử lý thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;

3. Nhận kết quả xử lý từ các cơ quan xử lý thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;

4. Trao đổi thông tin giữa các cơ quan xử lý thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Điều 5. Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính một cửa

1. Hồ sơ hành chính một cửa theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư liên tịch này để thực hiện thủ tục đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu gồm:

a) Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu (theo các chỉ tiêu thông tin tạiMẫu 1 Phụ lục I ban hànhkèm theo Thông tư liên tịch này);

b) Tờ khai hàng hoá nhập khẩu;

c) Hoá đơn;

d) Kết quả đánh giá sự phù hợp (Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Chứng thư giám định);

đ) Hợp đồng (với hàng hoá là sản phẩm thép cốt bê tông);

e) Danh mục hàng hoá (Packing list);

g) Kết quả xử lý của cơ quan xử lý gồm:

g1) Đối với các cơ quan xử lý được phân công, phân cấp thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ: Xác nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước hàng hóa nhập khẩu và Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng, Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng(theo các chỉ tiêu thông tin tại Mẫu 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này) hoặc kết quả xử lý khác tương ứng với thủ tục hành chính một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tại Điều 1 Thông tư liên tịch này;

g2) Đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài chính: Quyết định thông quan, giải phóng hàng hoặc đưa hàng hóa về bảo quản hoặc kết quả xử lý khác tương ứng với thủ tục hành chính một cửa của Bộ Tài chính quy định tại Điều 1 Thông tư liên tịch này.

2. Các chứng từ được nộp dưới hình thức chứng từ điện tử gồm:

Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu (theo các chỉ tiêu thông tin tại Mẫu 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này).

3. Các chứng từ được nộp dưới hình thức chứng từ điện tử chuyển đổi từ chứng từ giấy gồm:

a) Tờ khai hàng hoá nhập khẩu;

b) Hoá đơn;

c) Kết quả đánh giá sự phù hợp (Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Chứng thư giám định);

d) Hợp đồng (với hàng hoá là sản phẩm thép cốt bê tông);

đ) Danh mục hàng hoá (Packing list).

4. Trường hợp tờ khai hàng hóa nhập khẩu là tờ khai điện tử thì người khai không phải nộp tờ khai hàng hóa nhập khẩu.

5. Trường hợp kết quả đánh giá sự phù hợp đã được cấp bằng phương thức điện tử và được tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định gửi đến Cổng thông tin một cửa quốc gia thì người khai không phải nộp kết quả đánh giá sự phù hợp.

6. Giá trị pháp lý của chứng từ điện tử:

a) Chứng từ điện tử có giá trị như chứng từ giấy;

b) Chứng từ điện tử phải được lập theo đúng tiêu chí, định dạng mẫu do Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng đối với các thủ tục hành chính một cửa quy định tại Điều 1 Thông tư liên tịch này;

c) Việc gửi, nhận, lưu trữ và giá trị pháp lý của chứng từ điện tử được thực hiện theo quy định pháp luật về giao dịch điện tử và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Chứng từ điện tử phải đáp ứng đủ các yêu cầu của pháp luật chuyên ngành đối với các thủ tục hành chính một cửa;

đ) Chứng từ điện tử phải có chữ ký số của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với các thủ tục hành chính một cửa trong trường hợp người khai đăng ký sử dụng chữ ký số;

e) Việc tạo lập, chuyển đổi chứng từ điện tử từ chứng từ giấy và ngược lại được thực hiện theo pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật chuyên ngành đối với các thủ tục hành chính một cửa quy định tại Điều 1 Thông tư liên tịch này.

7. Chứng từ giấy: Hình thức, nội dung, phương thức nộp, xuất trình của các chứng từ giấy trong hồ sơ hành chínhmột cửa tuân thủ theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành đối với thủ tục hành chính đó.

Điều 6. Chứng từ điện tử, chuyển đổi chứng từ giấy sang chứng từ điện tử và ngược lại

1. Chứng từ điện tử được khai báo hoặc xuất trình với các cơ quan quản lý nhà nước theo Cơ chế một cửa quốc gia có thể được chuyển đổi từ chứng từ giấy nếu bảo đảm các điều kiện sau:

a) Phản ánh toàn vẹn nội dung của chứng từ giấy;

b) Có chữ ký số đã được đăng ký tham gia Cổng thông tin một cửa quốc gia của người thực hiện chuyển đổi (người khai) trên chứng từ điện tử được chuyển đổi từ chứng từ giấy.

2. Chứng từ điện tử được cấp thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia có thể được chuyển đổi sang chứng từ giấy nếu bảo đảm các điều kiện sau:

a) Phản ánh toàn vẹn nội dung của chứng từ điện tử;

b) Có dấu hiệu nhận biết trên chứng từ giấy được chuyển đổi từ chứng từ điện tử được in ra từ Cổng thông tin một cửa quốc gia. Dấu hiệu nhận biết gồm các thông tin thể hiện chứng từ đã được ký số bởi cơ quan cấp phép hoặc Cổng thông tin một cửa quốc gia, tên và địa chỉ email và/hoặc điện thoại liên hệ của cơ quan ký, thời gian ký số. Dấu hiệu nhận biết do Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia công bố tại địa chỉ: https://vnsw.gov.vn;

c) Có chữ ký, họ tên và con dấu hợp pháp của người thực hiện chuyển đổi (người khai) trên chứng từ giấy được chuyển đổi từ chứng từ điện tử.

3. Chứng từ điện tử có giá trị để làm thủ tục với các cơ quan quản lý nhà nước như chính chứng từ đó thể hiện ở dạng văn bản giấy.

4. Người khai phải lưu giữ chứng từ điện tử và chứng từ giấy theo quy định.

Điều 7. Đăng ký tài khoản người sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia

1. Trường hợp người khai đã được Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ cấp tài khoản truy cập các hệ thống xử lý chuyên ngành hiện có thì người khai lựa chọn sử dụng một trong các tài khoản đó để truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia. Để sử dụng tài khoản truy cập, người khai truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ https://vnsw.gov.vn và thực hiện đăng ký tài khoản sử dụng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo các thông tin tại Mẫu 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này. Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia chịu trách nhiệm hướng dẫn người khai về việc sử dụng tài khoản đã đăng ký để truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia trong trường hợp có vướng mắc phát sinh.

2. Trường hợp người khai chưa có tài khoản người sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia do Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ cấp, việc

đăng ký tài khoản người sử dụng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia sẽ được thực hiện như sau:

a) Người khai truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ https://vnsw.gov.vn và thực hiện đăng ký thông tin hồ sơ trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo các thông tin tại Mẫu 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này. Trong thời hạn 01 ngày làm việc từ khi tiếp nhận thông tin hồ sơ người khai đăng ký trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia thực hiện kiểm tra, đối chiếu thông tin của người khai. Trường hợp không chấp thuận hồ sơ hoặc hồ sơ chưa đầy đủ, Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia có trách nhiệm thông báo qua thư điện tử (có nêu rõ lý do) tới người khai. Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đáp ứng đủ điều kiện, Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia thông báo chấp nhận hồ sơ cho người khai bằng thư điện tử; thông báo tên tài khoản truy cập và mật khẩu truy cập ban đầu của người khai;

b) Sau khi cấp mới tài khoản người khai, Cổng thông tin một cửa quốc gia thực hiện gửi thông tin tài khoản người khai mới tới các hệ thống xử lý chuyên ngành tương ứng.

3. Trường hợp người sử dụng là cán bộ, công chức của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, việc cấp tài khoản người sử dụng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia được thực hiện như sau:

a) Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp danh sách tài khoản người sử dụng cần cấp mới trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, nêu rõ họ tên, chức danh, đơn vị công tác, quyền hạn sử dụng các chức năng thuộc Bộ quản lý trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo mẫu do Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia cung cấp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia và gửi văn bản thông báo đến Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Trong vòng 05 ngày làm việc, Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia căn cứ các yêu cầu kỹ thuật về bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống thực hiện xem xét số lượng tài khoản do Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ yêu cầu cấp, cấp tài khoản người sử dụng cho Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ và thông báo bằng văn bản về tên truy cập, mật khẩu mặc định đến 02 Bộ. Trường hợp số lượng tài khoản cấp mới ít hơn số lượng Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ yêu cầu, Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia cần nêu rõ lý do trong văn bản thông báo gửi Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp yêu cầu cấp tài khoản của các tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định và gửi văn bản thông báo đến Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia để được cấp tài khoản theo như quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 8. Trách nhiệm của người sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia

Người sử dụng chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ của các thông tin, dữ liệu cung cấp tới Cổng thông tin một cửa quốc gia phù hợp với quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành đối với các thủ tục hành chính đó.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ CỔNG THÔNG TIN MỘT CỬA QUỐC GIA

Điều 9. Nguyên tắc hoạt động của Cổng thông tin một cửa quốc gia

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ bí mật thương mại, bí mật kinh doanh đối với các giao dịch điện tử được thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Đảm bảo tính chính xác, khách quan, đầy đủ và kịp thời của các giao dịch điện tử được thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Điều 10. Các chức năng của Cổng thông tin một cửa quốc gia

1. Tiếp nhận chứng từ điện tử và các thông tin có liên quan, xác thực chữ ký số của người khai và các cơ quan xử lý.

2. Chuyển chứng từ điện tử, thông tin khác của người khai đến cơ quan xử lý, tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định do doanh nghiệp, người khai lựa chọn, đồng thời lưu trữ thông tin từ người khai trên Cổng thông tin một cửa quốc gia nhằm mục đích tra cứu, thống kê.

3. Tiếp nhận thông báo từ các cơ quan xử lý.

4. Trả các chứng từ điện tử cho người khai.

5. Trao đổi kết quả giữa các cơ quan xử lý.

6. Lưu trữ trạng thái của các giao dịch điện tử được thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, lưu trữ các chứng từ điện tử.

7. Cung cấp một số chức năng báo cáo, thống kê số liệu theo yêu cầu từ các cơ quan xử lý và người khai.

Điều 11. Thẩm quyền và mức độ truy cập vào Cổng thông tin một cửa quốc gia

1. Các đối tượng được truy cập vào Cổng thông tin một cửa quốc gia gồm:

a) Các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 1 Thông tư liên tịch này;

b) Cơ quan hải quan, các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, các tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định;

c) Các cơ quan quản lý nhà nước không thuộc Điểm b Khoản này khai thác thông tin từ Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Mức độ và thẩm quyền truy cập:

a) Các tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này được truy cập vào Cổng thông tin một cửa quốc gia để khai thông tin, nhận phản hồi thông tin về việc xử lý hồ sơ để thực hiện thủ tục hành chính một cửa, nhận chứng từ hành chính một cửa, kết quả xử lý khác đối với thủ tục hành chính một cửa và tra cứu các thông tin được công bố trên Cổng thông tin hải quan một cửa quốc gia;

b) Các đối tượng tại Điểm b Khoản 1 Điều này được truy cập vào Cổng thông tin một cửa để tiếp nhận thông tin, xử lý và trả kết quả xử lý dưới hình thức chứng từ hành chính một cửa hoặc kết quả xử lý khác đối với thủ tục hành chính một cửa, nhận chứng từ hành chính một cửa, kết quả xử lý khác của các cơ quan có liên quan;

c) Các đối tượng tại Điểm c Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Thông tư liên tịch này.

Điều 12. Sử dụng chữ ký số để thực hiện thủ tục hành chính một cửa

Trong trường hợp người khai sử dụng chữ ký số để thực hiện các thủ tục hành chính một cửa trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, người khai phải tuân thủ các quy định sau:

1. Chữ ký số của người khai sử dụng để thực hiện các thủ tục hành chính một cửa là chữ ký số công cộng cấp cho tổ chức, đã đăng ký với Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia và được xác nhận tương thích với hệ thống Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Việc sử dụng chữ ký số và giá trị pháp lý của chữ ký số thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

3. Trước khi sử dụng chữ ký số để thực hiện các thủ tục hành chính một cửa, người sử dụng phải đăng ký chữ ký số với Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia. Thông tin về chữ ký số có thể được đăng ký ngay khi người khai thực hiện thủ tục xin cấp tài khoản người sử dụng. Trường hợp người khai đã có tài khoản người sử dụng nhưng chưa đăng ký thông tin chữ ký số hoặc đăng ký thêm chữ ký số khác, người khai truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia bằng tài khoản đã đăng ký, nhập đầy đủ các nội dung sau:

a) Tên, mã số thuế của cơ quan, tổ chức xuất khẩu, nhập khẩu;

b) Họ và tên, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, chức danh (nếu có) của người được cấp chứng thư số;

c) Số hiệu của chứng thư số (Serial Number);

d) Thời hạn có hiệu lực của chứng thư số.

4. Người khai phải đăng ký lại với Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia các thông tin nêu tại Khoản 3 Điều này trong các trường hợp sau: Các thông tin đã đăng ký có sự thay đổi, gia hạn chứng thư số, thay đổi cặp khóa, tạm dừng chứng thư số. Việc đăng ký lại các thông tin nêu tại Khoản 3 Điều này được thực hiện tương tự như đăng ký mới.

5. Trường hợp người khai đã đăng ký sử dụng nhiều chữ ký số với các hệ thống xử lý chuyên ngành, người khai có quyền lựa chọn sử dụng một trong các chữ ký số đang sử dụng.

Điều 13. Trách nhiệm của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Xây dựng tiêu chí thông tin, định dạng mẫu của các chứng từ điện tử thuộc phạm vi quản lý của mỗi Bộ.

2. Cập nhật thông tin liên quan đến tài khoản của cán bộ, công chức đã được cấp để truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia trong trường hợp có sự thay đổi về chức vụ, vị trí, nhiệm vụ công tác.

3. Lưu trữ và bảo vệ sự toàn vẹn các chứng từ điện tử và các kết quả xử lý liên quan tại các hệ thống xử lý chuyên ngành.

4. Thực hiện các quy định tại Quy chế quản lý, vận hành, khai thác và bảo đảm an toàn thông tin của Cổng thông tin một cửa quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 75/QĐ-BCĐASW ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Ban chỉ đạo quốc gia về Cơ chế một cửa ASEAN và Cơ chế một cửa quốc gia.

Chương III
QUY TRÌNH KHAI, TIẾP NHẬN, TRAO ĐỔI VÀ PHẢN HỒI THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN MỘT CỬA QUỐC GIA

Điều 14. Người khai, quyền và nghĩa vụ của người khai

1. Người khai thực hiện các thủ tục hành chính một cửa theo quy định tại Điều 1 Thông tư liên tịch này gồm:

a) Người khai hải quan theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Người khai có các quyền sau đây:

a) Được Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia và cơ quan xử lý hỗ trợ đào tạo người sử dụng, cung cấp các thông tin cần thiết để truy cập, khai thông tin và sử dụng các tiện ích trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Được Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia và cơ quan xử lý bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ bí mật kinh doanh và thương mại;

c) Được cơ quan xử lý cung cấp thông tin về quá trình xử lý hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống một cửa quốc gia;

d) Được lựa chọn tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định.

3. Người khai có các nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về tiêu chí, định dạng của thông tin khai theo yêu cầu kỹ thuật đối với từng thủ tục hành chính một cửa;

b) Tuân thủ quy định của pháp luật về chữ ký số đối với những giao dịch điện tử yêu cầu sử dụng chữ ký số;

c) Nộp thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật;

d) Tuân thủ các quy trình bảo đảm tính toàn vẹn, an toàn và bí mật trong việc thực hiện các thủ tục hành chính một cửa;

đ) Lưu giữ chứng từ hành chính một cửa (bao gồm cả bản sao) theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành; cung cấp các chứng từ điện tử và/hoặc chứng từ giấy có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh cho các cơ quan xử lý để phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra theo thẩm quyền;

e) Đáp ứng các yêu cầu về công nghệ thông tin và kỹ thuật theo quy định của pháp luật chuyên ngành để thực hiện các thủ tục hành chính một cửa;

g) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã khai khi thực hiện các thủ tục hành chính một cửa.

Điều 15. Khai, nộp thông tin và hồ sơ hành chính một cửa để thực hiện thủ tục hành chính tại Điều 1 của Thông tư liên tịch này theo Cơ chế một cửa quốc gia

Việc khai, nộp thông tin thực hiện thủ tục hành chính tại Điều 1 Thông tư liên tịch này theo Cơ chế một cửa quốc gia được thực hiện như sau:

1. Người khai tạo lập hồ sơ hành chính một cửa điện tử quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch này được lựa chọn một trong hai phương thức như sau:

a) Tạo lập hồ sơ hành chính một cửa điện tử theo chuẩn dữ liệu với các tiêu chí, định dạng, biểu mẫu do Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng và được công bố trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Gửi hồ sơ hành chính một cửa điện tử tới Cổng thông tin một cửa quốc gia; hoặc

b) Khai trực tiếp hồ sơ hành chính một cửa điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Người khai nhận các thông báo phản hồi về kết quả khai, nộp thông tin do Cổng thông tin một cửa quốc gia trả về và thực hiện theo hướng dẫn tại các thông báo phản hồi của cơ quan, tổ chức xử lý thủ tục hành chính.

3. Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính bằng chứng từ giấy, người khai nộp chứng từ giấy theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung thông tin và hồ sơ hành chính một cửa để thực hiện thủ tục hành chính tại Điều 1 của thông tư liên tịch này theo Cơ chế một cửa quốc gia

Thông tin sửa đổi, bổ sung đối với hồ sơ hành chính một cửa điện tử quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch này được gửi tới cơ quan xử lý thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia; đối với chứng từ giấy, người khai nộp chứng từ giấy theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

Thủ tục sửa đổi, bổ sung hồ sơ hành chính một cửa để thực hiện thủ tục hành chính tại Điều 1 Thông tư liên tịch này được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Việc tạo lập thông tin sửa đổi, bổ sung đối với hồ sơ hành chính một cửa điện tử và gửi các thông tin này tới các cơ quan xử lý thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia được thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 15 Thông tư liên tịch này.

Điều 17. Xử lý thông tin và phản hồi kết quả xử lý

1. Cơ quan xử lý có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận và xử lý thông tin, hồ sơ hành chính một cửa điện tử do người khai gửi/nộp thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia và các chứng từ giấy do người khai nộp theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b) Phản hồi trạng thái tiếp nhận, xử lý thông tin khai tới người khai và các cơ quan liên quan tới việc thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b1) Trường hợp cơ quan xử lý chấp nhận thông tin khai, cơ quan xử lý giải quyết hồ sơ hành chính một cửa, phản hồi kết quả xử lý tới người khai và các cơ quan xử lý có liên quan qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b2) Trường hợp cơ quan xử lý không chấp nhận thông tin khai, cơ quan xử lý giải quyết hồ sơ hành chính một cửa, phản hồi kết quả xử lý tới người khai và các cơ quan xử lý có liên quan qua Cổng thông tin một cửa quốc gia kèm theo lý do không chấp nhận;

b3) Ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu cho người khai, đồng thời gửi tới cơ quan hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b4) Trường hợp lô hàng không đáp ứng yêu cầu chất lượng nhập khẩu, áp dụng biện pháp tái chế, việc tái chế đối với hàng hóa theo quy định của pháp luật về hải quan và pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá. Hàng hóa nhập khẩu áp dụng biện pháp tái chế, sau khi hoàn thành việc tái chế phải được kiểm tra nhà nước về chất lượng. Cơ quan kiểm tra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu sau tái chế thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Cơ quan hải quan có trách nhiệm:

a) Căn cứ trên các thông tin khai, các kết quả xử lý khác đối với thủ tục hành chính một cửa do người khai và các cơ quan xử lý chuyển tới thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia để xử lý hồ sơ hải quan của người khai hải quan và trả kết quả xử lý tới Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Ra quyết định cuối cùng về việc thông quan hàng hóa nhập khẩu trên cơ sở Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu được chuyển tới cơ quan hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

3. Tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định có trách nhiệm:

a) Thực hiện đăng ký tài khoản sử dụng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, đăng ký chữ ký số ngay sau khi được chỉ định thực hiện đánh giá sự phù hợp;

b) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký đánh giá sự phù hợp từ Cổng thông tin một cửa quốc gia và yêu cầu người đăng ký bổ sung để hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký chứng nhận sự phù hợp theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

c) Tiến hành đánh giá và cung cấp kết quả đánh giá sự phù hợp tới Cổng thông tin một cửa quốc gia bằng phương thức điện tử theo các chỉ tiêu thông tin tại Mẫu 3 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

d) Thực hiện các quy định tại Điều 15 Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Thời hạn xử lý và phản hồi thông tin của cơ quan xử lý và cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật hiện hành đối với các thủ tục hành chính tại Điều 1 Thông tư liên tịch này và đối với thủ tục hải quan.

Điều 18. Tiếp nhận và phản hồi thông tin khai trên Cổng thông tin một cửa quốc gia

1. Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận thông tin khai điện tử trong thời gian 24 giờ của một ngày và 07 ngày trong một tuần.

2. Cổng thông tin một cửa quốc gia thực hiện việc tiếp nhận và phản hồi thông tin khai theo chế độ tự động tới người khai và tới các hệ thống xử lý chuyên ngành.

3. Cổng thông tin một cửa quốc gia thực hiện:

a) Phản hồi kết quả xử lý của cơ quan hải quan cho người khai ngay sau khi nhận được kết quả xử lý của cơ quan hải quan;

b) Cung cấp tờ khai hải quan và kết quả xử lý của cơ quan hải quan cho các cơ quan xử lý liên quan trong trường hợp thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của cơ quan xử lý có yêu cầu nộp tờ khai hải quan; hoặc cơ quan xử lý có yêu cầu cung cấp tờ khai hải quan và kết quả xử lý của cơ quan hải quan liên quan đến các thủ tục thuộc thẩm quyền của cơ quan xử lý.

Chương IV
CƠ CHẾ PHỐI HỢP VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỘT CỬA

Điều 19. Nguyên tắc trao đổi, cung cấp thông tin

1. Việc trao đổi, cung cấp thông tin phải thực hiện theo quy định của pháp luật và trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi bên.

2. Thông tin được trao đổi, cung cấp phải sử dụng đúng mục đích, phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của bên tiếp nhận thông tin.

3. Các bên trao đổi, cung cấp thông tin có trách nhiệm trao đổi, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác và đầy đủ.

4. Các bên trao đổi, cung cấp, quản lý và sử dụng thông tin theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định về bảo mật thuộc chuyên ngành quản lý của các Bộ.

5. Thông tin được trao đổi, cung cấp giữa các bên ngang cấp; trường hợp cần thiết có thể trao đổi khác cấp.

6. Thông tin được trao đổi, cung cấp giữa các bên phải bảo đảm thống nhất và tuân thủ quy định của pháp luật về trao đổi thông tin giữa các cơ quan Nhà nước.

7. Những cơ quan, đơn vị được giao là đầu mối trao đổi, cung cấp thông tin của mỗi bên quy định tại Điều 24 Thông tư liên tịch này phải bố trí lực lượng, phương tiện để bảo đảm cho việc trao đổi, cung cấp thông tin giữa các bên được thông suốt và kịp thời.

Điều 20. Nội dung cung cấp thông tin

1. Bộ Tài chính cung cấp cho Cổng thông tin một cửa quốc gia thông tin sau:

a) Các chứng từ điện tử đối với thủ tục hành chính của Bộ Tài chính quy định tại Điều 1 Thông tư liên tịch này;

b) Kết quả xử lý khác của cơ quan hải quan đối với thủ tục hành chính;

c) Thông tin liên quan tới hàng hóa đã được thông quan, giải phóng hàng

theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ cung cấp cho Cổng thông tin một cửa quốc gia thông tin sau:

a) Các chứng từ điện tử đối với thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tại Điều 1 Thông tư liên tịch này;

b) Kết quả xử lý khác của cơ quan xử lý thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ đối với thủ tục hành chính;

c) Thông tin liên quan tới hàng hóa đã được cấp phép hoặc từ chối cấp phép theo yêu cầu của Bộ Tài chính;

d) Thông báo về việc bổ sung tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định ngay sau khi ban hành văn bản chỉ định.

Điều 21. Hình thức trao đổi, cung cấp thông tin

Việc trao đổi, cung cấp thông tin thực hiện trực tuyến dưới hình thức chứng từ điện tử theo quy định. Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia là đầu mối tiếp nhận và xử lý thông tin do các Bộ cung cấp để thực hiện các thủ tục hành chính một cửa. Trong trường hợp xảy ra sự cố hoặc lỗi kỹ thuật hoặc hệ thống chưa có chức năng trao đổi, cung cấp thông tin dẫn đến không thể thực hiện trao đổi, cung cấp thông tin bằng hệ thống điện tử thì các bên liên quan có thể tạm thời sử dụng hình thức khác như email, fax hoặc chứng từ giấy để thực hiện trao đổi, cung cấp thông tin.

Điều 22. Thống kê và thực hiện việc trao đổi, cung cấp thông tin

1. Trường hợp Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ sử dụng hệ thống xử lý chuyên ngành để kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia, việc thống kê, báo cáo các thông tin liên quan tới thủ tục hành chính quy định tại Điều 1 Thông tư này sẽ thực hiện tại hệ thống xử lý chuyên ngành của mỗi Bộ.

2. Trường hợp Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ chưa sử dụng hệ thống xử lý chuyên ngành để kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia thì đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia có trách nhiệm cung cấp cho các đơn vị đầu mối quy định tại Điều 24 Thông tư liên tịch này các thông tin thống kê, báo cáo liên quan tới thủ tục hành chính quy định tại Điều 1 Thông tư liên tịch này theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Thông tin đột xuất: Trường hợp Quốc hội, Chính phủ, Ban chỉ đạo quốc gia về Cơ chế một cửa quốc gia, các cơ quan có thẩm quyền hoặc Ban Thư ký ASEAN yêu cầu báo cáo, cung cấp thông tin liên quan tới thủ tục hành chính quy định tại Điều 1 Thông tư liên tịch này thì Cổng thông tin một cửa quốc gia, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan liên quan chủ động cung cấp theo yêu cầu của các cơ quan đó, đồng thời cung cấp cho Cổng thông tin một cửa quốc gia và các cơ quan có liên quan.

Điều 23. Quản lý, sử dụng thông tin

1. Bộ Tài chính cung cấp cho Bộ Khoa học và Công nghệ mã số truy cập và mật khẩu để khai thác thông tin từ Cổng thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ https://vnsw.gov.vn. Các cơ quan có trách nhiệm bảo mật mã số, mật khẩu được cung cấp; sử dụng đúng các quyền hạn đã đăng ký với Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia khi yêu cầu cấp tài khoản.

2. Ngoài các cơ quan ban hành Thông tư liên tịch này, Bộ Tài chính có trách nhiệm chia sẻ thông tin cho các cơ quan, người có thẩm quyền để sử dụng, khai thác thông tin từ Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trong trường hợp Bộ Tài chính sử dụng các thông tin liên quan tới phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ trên Cổng thông tin một cửa quốc gia để gửi cơ quan có thẩm quyền thì phải được sự chấp thuận của các đơn vị này trước khi cung cấp chính thức cho các cơ quan, người có thẩm quyền sử dụng. Việc cung cấp thông tin phải bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật thông tin kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 24. Đơn vị đầu mối thực hiện việc cung cấp, trao đổi thông tin

1. Các Bộ có trách nhiệm phân công đơn vị đầu mối cung cấp, trao đổi thông tin theo quy định của Thông tư liên tịch này.

2. Các đơn vị là đầu mối quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm phân công cụ thể lãnh đạo đơn vị và bộ phận chức năng thực hiện các nhiệm vụ về trao đổi, cung cấp, quản lý thông tin, mở và đăng ký với Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia hộp thư điện tử, số fax, số điện thoại, địa chỉ để phối hợp.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2016.

2. Mọi phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện, các cơ quan, đơn vị đầu mối phải kịp thời phản ánh về các Bộ liên quan để giải quyết.

Điều 26. Trách nhiệm thi hành

Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc thực hiện đúng các quy định của Thông tư liên tịch này.

2. Bảo đảm các điều kiện để các thủ tục hành chính được thực hiện thông suốt và đúng thời hạn.

3. Công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của mỗi Bộ trong đó

xác định cụ thể số lượng, thành phần, loại chứng từ (chứng từ điện tử, chứng từ giấy được chuyển đổi sang dạng điện tử, chứng từ giấy) trong hồ sơ hành chính một cửa.

4. Bảo đảm tính chính xác, kịp thời, an toàn, bí mật các thông tin được trao đổi và cung cấp theo quy định pháp luật hiện hành./.

KT. BỘ TRƯỞNG **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** **THỨ TRƯỞNG**	**KT. BỘ TRƯỞNG** **BỘ TÀI CHÍNH** **THỨ TRƯỞNG**
Trần Việt Thanh	**Hoàng Anh Tuấn**

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Tài chính;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Công báo VPCP;
- Website: Chính phủ, BTC, BKHCN, TCHQ;
- Lưu: VT, BTC (TCHQ), BKHCN (Tổng cục TCĐLCL)(332b).

Phụ lục 1: CHỈ TIÊU THÔNG TIN THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 77/2016/TTLT-BTC-BKHCN ngày 03/6/2016 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu

Mẫu 1.ĐKKTNN
.../2016/TTLT-BTC-BKHCN

2. Thông báo Kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá nhập khẩu

Mẫu 2.TBKQKT
.../2016/TTLT-BTC-BKHCN

3. Kết quả đánh giá sự phù hợp của Tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định

Mẫu 3.KQĐGSPH
.../2016/TTLT-BTC-BKHCN

Mẫu 1.ĐKKTNN
.../2016/TTLT-BTC-BKHCN

ĐĂNG KÝ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

STT	Tên chỉ tiêu
1	Cơ quan kiểm tra
2	Số đăng ký
3	Tên doanh nghiệp
4	Địa chỉ
5	Điện thoại
6	Fax
7	Email
8	Người liên hệ
	Thông tin hàng hóa
9	Tên hàng hóa
10	Ký hiệu, kiểu loại
11	Nhãn hiệu hàng hóa
12	Xuất xứ, nước sản xuất
13	Khối lượng/số lượng
14	Thông số kỹ thuật
15	Mã HS
16	Ghi chú
17	Đăng ký hàng hoá thuộc đối tượng miễn kiểm tra theo Khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN Có thuộc đối tượng miễn kiểm tra hay không?
	Thông tin về hồ sơ kèm theo lô hàng
18	Mã số (hoặc số ký hiệu) của tờ khai hàng hoá nhập khẩu
19	Mã số (hoặc số ký hiệu) của hợp đồng
20	Mã số (hoặc số ký hiệu) của vận đơn
21	Mã số (hoặc số ký hiệu) của danh mục hàng hoá
22	Mã số (hoặc số ký hiệu) của hoá đơn
	Thông tin về chứng chỉ chất lượng của lô hàng
23	Mã số (hoặc số ký hiệu) của Giấy chứng nhận hợp quy cấp cho hàng hoá tại nguồn nước xuất khẩu (nếu có):
24	Ngày cấp chứng nhận hợp quy cấp cho hàng hoá tại nguồn nước xuất khẩu
25	Mã số (hoặc số ký hiệu) của Giấy chứng nhận hợp quy cấp cho lô hàng hoặc Chứng thư giám định lô hàng (nếu có):
26	Ngày cấp chứng nhận hợp quy cấp cho lô hàng hoặc Chứng thư giám định lô hàng
27	Lựa chọn tổ chức đánh giá sự phù hợp để thực hiện chứng nhận hợp quy lô hàng:

28	Các chứng chỉ chất lượng khác, nếu có (kết quả thử nghiệm)
29	Địa chỉ đưa hàng hóa về kho bảo quản *(Địa chỉ tập kết được ghi trong văn bản đề nghị đưa hàng hóa về kho bảo quản theo mẫu số 09/BQHH/GSQL Phụ lục V ban hành kèm Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 và được cơ quan hải quan chấp thuận)*
30	Thời gian dự kiến lô hàng nhập khẩu
31	Ghi chú
32	Ngày đăng ký

Mẫu 2.TBKQKT
.../2016/TTLT-BTC-BKHCN

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

STT	Tên chỉ tiêu
1	Cơ quan kiểm tra
	Thông tin của lô hàng hoá được kiểm tra
2	Mã số (hoặc số ký hiệu) của tờ khai hàng hoá nhập khẩu
3	Mã số (hoặc số ký hiệu) của hợp đồng
4	Mã số (hoặc số ký hiệu) của vận đơn
5	Mã số (hoặc số ký hiệu) của danh mục hàng hoá
6	Mã số (hoặc số ký hiệu) của hoá đơn
7	Mã số (hoặc số ký hiệu) đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu
8	Tên hàng hóa
9	Ký hiệu, kiểu loại
10	Nhãn hiệu hàng hóa
11	Xuất xứ, nước sản xuất
12	Khối lượng/số lượng
13	Thông số kỹ thuật
14	Mã HS
15	Ghi chú
	Căn cứ kiểm tra
16	Mã số (hoặc số ký hiệu) của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
17	Căn cứ khác
	Kết quả đánh giá sự phù hợp
18	Mã số (hoặc số ký hiệu) của Giấy chứng nhận hợp quy cấp cho hàng hoá tại nguồn nước xuất khẩu
19	Tổ chức đánh giá sự phù hợp cấp Giấy chứng nhận hợp quy cấp cho hàng hoá tại nguồn nước xuất khẩu
20	Ngày cấp
21	Mã số (hoặc số ký hiệu) của Giấy chứng nhận hợp quy cấp cho lô hàng hoặc Chứng thư giám định lô hàng
22	Tổ chức đánh giá sự phù hợp cấp Giấy chứng nhận hợp quy cấp cho lô hàng hoặc Chứng thư giám định lô hàng
23	Ngày cấp
24	Kết quả kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu: o Lô hàng đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hoá nhập khẩu o Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ, cơ quan kiểm tra phối hợp với Hải quan kiểm tra tại cơ sở của người nhập khẩu o Lô hàng đề nghị đánh giá sự phù hợp lại tại.....(do phải áp dụng biện pháp tăng cường kiểm tra)

	o Lô hàng chờ cơ quan kiểm tra tiến hành lấy mẫu và thử nghiệm do có khiếu nại, tố cáo o Lô hàng không đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hoá nhập khẩu, áp dụng biện pháp tái xuất. Lý do: o Lô hàng không đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hoá nhập khẩu, áp dụng biện pháp tiêu hủy. Lý do: o Lô hàng miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng.
25	Ghi chú
26	Ngày thông báo

Mẫu 3.KQĐGSPH
.../2016/TTLT-BTC-BKHCN

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP CỦA TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

STT	Tên chỉ tiêu
1	Người nhập khẩu
2	Địa chỉ của người nhập khẩu
	Thông tin hàng hóa thuộc lô hàng hoá được chứng nhận
4	Tên hàng hóa
5	Ký hiệu, kiểu loại
6	Nhãn hiệu hàng hóa
7	Xuất xứ, nước sản xuất
8	Khối lượng/số lượng
9	Thông số kỹ thuật
	Thông tin liên quan đến lô hàng được chứng nhận
10	Mã số (hoặc số ký hiệu) của tờ khai hàng hoá nhập khẩu
11	Mã số (hoặc số ký hiệu) của hợp đồng
12	Mã số (hoặc số ký hiệu) của vận đơn
13	Mã số (hoặc số ký hiệu) của danh mục hàng hoá
14	Mã số (hoặc số ký hiệu) của hoá đơn
15	Lô hàng phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:
16	Dấu hợp quy sử dụng cho lô hàng được chứng nhận
17	Phương thức chứng nhận
18	Mã số (hoặc số ký hiệu) của Giấy chứng nhận
19	Ngày cấp Giấy chứng nhận
20	Tổ chức chứng nhận

Phụ lục 2: MẪU ĐĂNG KÝ TÀI KHOẢN CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG TRÊN CỔNG THÔNG TIN MỘT CỬA QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 77/2016/TTLT-BTC-BKHCN Ngày 03/6/2016 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Chỉ tiêu đăng ký thông tin đối với người khai đã có tài khoản tại các hệ thống xử lý chuyên ngành

Mẫu 1.NKĐCTK

.../2016/TTLT-BTC-BKHCN

2. Chỉ tiêu đăng ký thông tin đối với người khai cấp tài khoản mới

Mẫu 2.NKCTKM

.../2016/TTLT-BTC-BKHCN

Mẫu 1.NKĐCTK
.../2016/TTLT-BTC-BKHCN

CHỈ TIÊU ĐĂNG KÝ THÔNG TIN ĐỐI VỚI NGƯỜI KHAI ĐÃ CÓ TÀI KHOẢN TẠI CÁC HỆ THỐNG XỬ LÝ CHUYÊN NGÀNH

STT	Tên tiêu chí	Bắt buộc	Lặp lại
I	**Thông tin chung**		
1	Tên tổ chức bằng tiếng Việt và tiếng anh (nếu có)	X	
2	Tên người đại diện	X	
3	Địa chỉ tổ chức	X	
4	Email	X	
5	Mã số thuế của tổ chức	X	
6	Lĩnh vực hoạt động	X	
II	**Thông tin tài khoản lựa chọn để sử dụng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia**		
1	Tên tài khoản truy cập	X	
2	Đơn vị cấp tài khoản	X	
II	**Thông tin chữ ký số**		
1	Số định danh chứng thư số		X
2	Tên đơn vị cung cấp dịch vụ chứng thư số		X
3	Tên người được cấp chứng thư số		X
4	Ngày hiệu lực		X
5	Ngày hết hiệu lực		X
6	Khóa công khai		X

Mẫu 2.NKCTKM
.../2016/TTLT-BTC-BKHCN

CHỈ TIÊU ĐĂNG KÝ THÔNG TIN ĐỐI VỚI NGƯỜI KHAI CẤP TÀI KHOẢN MỚI

STT	Tên tiêu chí	Bắt buộc	Lặp lại
I	**Thông tin chung**		
1	Tên tổ chức (Tiếng Việt)	X	
2	Tên tổ chức (Tiếng Anh)		
3	Tên viết tắt		
4	Năm thành lập	X	
5	Địa chỉ tổ chức	X	
6	Website		
7	Điện thoại	X	
8	Fax		
9	Số đăng ký kinh doanh	X	
10	Mã số thuế của tổ chức	X	
11	Lĩnh vực hoạt động	X	
12	Giấy phép kinh doanh (dạng file ảnh)	X	
II	**Thông tin người đại diện theo pháp luật**		
1	Họ và tên	X	
2	Điện thoại	X	
3	Di động	X	
4	Email	X	
II	**Thông tin chữ ký số**		
1	Số định danh chứng thư số		X
2	Tên đơn vị cung cấp dịch vụ chứng thư số		X
3	Tên người được cấp chứng thư số		X
4	Ngày hiệu lực		X
5	Ngày hết hiệu lực		X
6	Khóa công khai		X